

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HSST

Ngày: 30-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ TỈNH LAI CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lò Văn Chiên.

Bà: Mừng Thị Xanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà: Lù Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà: Trần Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2017/HSST, ngày 28 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐĐVAXX-HS ngày 18 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Vàng Thị D; tên gọi khác: không; sinh năm: 1959; tại huyện P, tỉnh L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: bản H, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Văn C, sinh năm 1929 và bà (nhưng bị cáo không biết họ, tên, năm sinh); bị cáo có chồng là Lò Văn S và Teo Văn M (đều đã chết) và có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1975 con nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 05/12/2017, đến ngày 29/12/2017 được Tòa án thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo được triệu tập có mặt tại phiên tòa.

Người phiên dịch cho bị cáo: Anh: Vàng Văn Đ; sinh năm: 1988; trú tại thôn P, thị trấn P, huyện P tỉnh Lai Châu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 03 tháng 12 năm 2017, Vàng Thị D, sinh năm 1959, trú tại bản H, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đang nằm ngủ ở nhà thì nghe có tiếng giọng đàn ông gọi D là S có lấy hàng không (S là gọi theo tên con cả của D). Do trời tối, D cũng không bật điện trong nhà và cũng không mở cửa nên D hỏi lại hàng gì,

thấy người đàn ông đó trả lời là Heroin. D nghĩ người trong bản bán Heroin có lỗi nên cũng muốn mua để bán lẻ kiếm lời. Qua trao đổi D biết người đó có 14 gói Heroin bán 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) nên đồng ý mua. D và người đàn ông trao đổi tiền và Heroin cho nhau qua khe hở dưới cánh cửa chính nhà D. Mua được Heroin D cất giấu vào trong túi áo khoác mặc trên người và đi ngủ tiếp. Sáng ngày 04/12/2017 D lấy số Heroin mua được ra kiểm tra ngoài cùng là mảnh nilon màu hồng cuộn lại bên trong là 14 gói Heroin nhỏ (trong đó 10 gói được gói bằng mảnh nilon màu hồng buộc thắt lại, 04 gói được gói ngoài bằng mảnh nilon màu xanh buộc thắt lại). D dự định bán một gói giá 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) để kiếm lời, sau đó D cuộn gói Heroin lại như cũ, cất giấu vào túi áo khoác bên trái đang mặc trên người, không cho ai biết. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 05/12/2017, Vàng Thị D đang ở nhà thì bị Tổ công tác vào nhà kiểm tra. Qua kiểm tra đã thu giữ được của D 14 gói có đặc điểm như trên. Tại biên bản cân tịnh trọng lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại đã khẳng định 14 gói bên trong là chất bột khô, vón cục, màu trắng thu giữ của Vàng Thị D có trọng lượng (khối lượng) 1,01g (*Một phẩy không một gam*) và đã trích 0,28g (*Không phẩy hai mươi tám gam*) làm mẫu vật gửi đi giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 39/GĐ-KTHS, ngày 10/12/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận "*Vật chứng thu giữ của Vàng Thị D là chất bột khô, vón cục, màu trắng có trọng lượng 1,01g là Heroin. Heroine (Heroin, Héroïne) là chất ma túy nằm trong danh mục I, số thứ tự 20 của Nghị định số: 82/2013/NĐ-CP, ngày 19/7/2013 của Chính phủ (danh mục I là chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng)...không hoàn lại mẫu vật gửi đến giám định*"

Quá trình điều tra, truy tố tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu là hoàn toàn đúng. Bị cáo xuất trình trước phiên tòa giấy chứng nhận bố của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

Bản cáo trạng số: 10/ KSĐT-MT, ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Vàng Thị D về tội "***Mua bán trái phép chất ma túy***" theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự (*Bộ luật Hình sự viết tắt là BLHS*) năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giữ quyền công tố tại phiên tòa, luận tội, căn cứ kết quả thẩm tra tại phiên tòa khẳng định quyết định truy tố là đúng cần giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù; không áp dụng các hình phạt bổ sung đối với bị cáo, đồng thời đề nghị giải quyết vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật. Về chứng cứ bị cáo xuất trình tại phiên tòa là có căn cứ Kiểm sát viên chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu truy tố và đề nghị kết tội; bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Vàng Thị D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục số 01, 02), biên bản niêm phong, mở niêm phong vật chứng của vụ án (bút lục số 27,28), bản kết luận giám định số: 39/GĐ-KTHS (bút lục 33), lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra (từ bút lục số 36 đến 47) cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 05/12/2017, tại nhà của bị cáo Vàng Thị D ở bản H, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, D đang cất giấu trong túi áo khoác mặc trên người 14 gói Heroin nhỏ (trong đó 10 gói được gói bằng mảnh nilon màu hồng buộc thắt lại, 04 gói được gói ngoài bằng mảnh nilon màu xanh buộc thắt lại) thì bị tổ công tác phát hiện bắt quả tang. Theo D khai nguồn gốc số Heroin trên do mua được của một người đàn ông không quen biết để mục đích bán nhưng chưa kịp bán. Hành vi cất giấu ma túy để mục đích bán lẻ kiếm lời thể hiện ở việc bản thân bị cáo không nghiện ma túy, gia đình bị cáo các con cũng không nghiện ma túy chứng tỏ mục đích bán kiếm lời là đúng. Do đó khẳng định hành vi đó của bị cáo là hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước ta; Bản thân bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, nhận thức được tác hại của ma túy và hành vi mua bán ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì háo hức, thiếu suy nghĩ bị cáo đã bất chấp cố ý phạm tội. Vậy, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo đã phạm vào tội “**Mua bán trái phép chất ma túy**” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật; Cụ thể điều luật quy định:

“Khoản 1: Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nghiêm trọng; nhất là tình hình tội phạm ma túy trên địa bàn xã bản Lang gây bức xúc cho nhân dân; bên cạnh đó quan điểm đường lối của Đảng và Nhà nước ta trừng trị nghiêm khắc loại tội phạm ma túy này. Do vậy buộc bị cáo đi tập trung cải tạo một thời gian theo Điều 33 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội, cũng như đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thể hiện ở việc tự giác tự giác khai nhận mục đích cất giấu ma túy để mua bán khi chưa bị ai phát hiện; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh ra và

lớn lên ở vùng sâu, vùng xa nơi có điều kiện văn hóa, xã hội khó khăn, lại không được đi học nên phần nào hạn chế về nhận thức là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; mặt khác trong thời gian bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Phong Thổ, bị cáo không những thành khẩn khai báo để sớm kết thúc vụ án mà còn tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện điều tra tội phạm (*theo công văn đề nghị số 03/CV-ĐN, ngày 25/12/2017 của cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ*). Vì vậy Cơ quan điều tra đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Công văn đề nghị này được coi là tình tiết “*người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan điều tra có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm*” được quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Với hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như nhân thân của bị cáo tuổi đời cũng đã cao, chưa có tiền án tiền sự, bản thân không nghiện ma túy và thái độ ăn năn hối cải, lập công chuộc tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 cho bị cáo được hưởng mức án thấp dưới khung hình phạt để đảm bảo chính sách khoan hồng và nhân đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm giáo dục bị cáo cũng như nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật trong nhân dân để bị cáo sớm được đoàn tụ gia đình cho các con chăm sóc tuổi già.

Hơn nữa bị cáo xuất thân trong gia đình có bố tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, đổi chiếu theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTUQH13 bố bị cáo được công nhận là người có công với cách mạng. Do vậy thực hiện quy định có lợi cho bị cáo theo Nghị quyết 41/2017/QH 14 về việc thi hành BLHS số 100/2015/ QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều luật theo luật số 12/2017/QH14 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*con của người có công với cách mạng*” theo điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do vậy căn cứ cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất dưới khung hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự (*Bộ luật Tố tụng Hình sự viết tắt BLTTHS*) tịch thu 0,73g (*Không thấy bảy mươi ba gam*) Heroin đã được niêm phong để tiêu hủy vì là vật cấm tàng trữ, lưu hành; đối với chiếc áo khoác của bị cáo khi mua ma túy chiếc áo đó bị cáo đang mặc trên người nên bị cáo có cất ma túy vào trong túi áo, đây không phải là công cụ, phương tiện phạm tội vẫn còn giá trị nên trả lại cho bị cáo khi bản án có hiệu lực pháp luật. (*các vật chứng trên có đặc điểm và hiện chuyển đến lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/12/2017 giữa Công an huyện Phong Thổ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ*).

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, làm ruộng không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 194 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Hội đồng xét xử thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Tuy nhiên tại

phiên tòa bị cáo xuất trình được thêm tình tiết giảm nhẹ mới (bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ Điều 46 Bộ BLHS năm 1999, sửa đổi năm 2009, có thêm một tình tiết giảm nhẹ ở Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017). Vậy để đảm bảo thực hiện đúng chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta nên hội đồng xét xử áp dụng mức án thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ.

[6] Quá trình điều tra bị cáo khai nguồn gốc số ma túy là do bị cáo mua được của một người đàn ông, dân tộc thái nhưng bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ ở đâu, ngoài lời khai của bị cáo không có chứng cứ nào chứng minh. Do vậy cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý người bán ma túy cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Vàng Thị D** phạm tội “ *Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p và q khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết 41/2017/QH14; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Vàng Thị D **12 (Mười hai)** tháng tù.

Khấu trừ 25 ngày tạm giữ, tạm giam. Vậy Bị cáo còn phải chấp hành là 11 (*Mười một*) tháng 05(*Năm*) ngày tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Vàng Thị D tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu 0,73g (*Không phải bảy mươi ba gam*) Heroin còn lại sau giám định đã được niêm phong để tiêu hủy;

Trả lại một chiếc áo khoác (loại áo nữ, cúc cài) màu xanh lam, áo đã qua sử dụng cho bị cáo khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(*Phong bì niêm phong và chiếc áo có đặc điểm và hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/12/2017, giữa cơ quan Công an huyện Phong Thổ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu*).

4/ Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm 1 mục 1 danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo Vàng Thị D phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 331, Điều 333 BLTTHS bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 30/01/2018)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND hai cấp;
- CQĐT cùng cấp;
- Cơ quan THAHS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo;
- THADS cùng cấp;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu
- Lưu: THA-HS

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà